TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/04/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Kiệt**.
2. Bà **Phan Thị Đẹp**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 03 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST – HN ngày 03 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Đức H**, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ M, khu phố B, ấp C, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc T**, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ M, khu phố B, ấp C, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Đức H trình bày:**

Anh Bùi Đức H và chị Phạm Thị Ngọc T tự nguyện sống chung vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 08/01/1997. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2014 có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn cự cãi, chị Tuyến có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh chị đã tự ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Xuân H, sinh năm 1997 và Bùi Thị Bích Ph, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn chị Phạm Thị Ngọc T, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Đức Hạnh là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc T cư trú tại tổ M, khu phố B, ấp C, xã T, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Ngọc T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức H và chị Phạm Thị Ngọc T tự nguyện sống chung từ năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 08/01/1997 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Bùi Đức H và chị Phạm Thị Ngọc T là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn cự cãi. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa anh Bùi Đức H và chị Phạm Thị Ngọc T không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài do anh chị đã tự ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Do vậy anh Bùi Đức H yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc T là có cơ sở.

Yêu cầu ly hôn của anh Bùi Đức H là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Xuân H, sinh năm 1997 và Bùi Thị Bích Ph, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Bùi Đức H trình bày anh H và chị Phạm Thị Ngọc T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Bùi Đức H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Đức H.

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Đức H được ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Xuân H, sinh năm 1997 và Bùi Thị Bích Ph, sinh năm 2000 đã trưởng thành

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Bùi Đức H trình bày anh H và chị Phạm Thị Ngọc T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Bùi Đức H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tiền số 0013704 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

Nơi nhận:

- VKSND. TP Mỹ Tho.

- Chi cục THADS. TP Mỹ Tho.

- UBND xã B, H Châu Thành .

- Các đương sự.

- Lưu hồ sơ.